| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2018/KDTM- ST
Ngày: 27- 3- 2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Đức Thọ

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đoàn Văn Hòa
2. Ông Trần Đức Hiếu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2017/TLST-KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần thép MT; địa chỉ trụ sở: Phường KT, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Việt V; chức vụ: Giám đốc.

2. *Bị đơn*: Công ty cổ phần QN; địa chỉ trụ sở: Phường Lê Hồng P, thành phố Quảng N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc T; chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hồng T; chức vụ: Trưởng ban thu hồi công nợ của công ty( Văn bản ủy quyền số 102/GUQ-CT ngày 23 tháng 3 năm 2018).

(Ông Lê Việt V, ông Phạm Hồng T có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Lê Việt V trình bày:*

Ngày 22/01/2016, công ty cổ phần thép MT( bên B), do ông Lê Việt V, chức vụ Giám đốc, đại diện ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán thép số 04/HĐNT/LicogiQN-NL với công ty cổ phần QN( bên A), do ông Nguyễn Ngọc T, chức vụ Giám đốc, với nội dung như sau:

Theo Hợp đồng, Bên A đồng ý mua và bên B đồng ý bán thép các loại: Thép xây dựng, thép hình, thép ống, thép đặc chủng, chuyên dụng với khối lượng theo đơn đặt hàng của bên A tại từng thời điểm. Bên B phải cấp đúng chủng loại, tiêu chuẩn theo yêu cầu của bên A và tiêu chuẩn chất lượng đăng ký của sản phẩm theo quy định kỹ thuật chung. Đơn giá là giá ghi trong hóa đơn giá trị gia tăng trên cơ sở báo giá của bên B tại từng thời điện được bên A chấp thuận. Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận hàng kèm theo chứng thư bảo lãnh ( trong đó giá trị cấp hàng có thể vượt tối đa 50% giá trị bảo lãnh). Các trường hợp khác được thỏa thuận trên từng đơn hàng và được hai bên xác nhận.

Ngày 15/04/2017, công ty cổ phần thép MT đã thực hiện báo giá số: 154QA/TT5/XXIII và đã được xác nhận mua hàng của bên A.Theo yêu cầu của Bên A, Công ty cổ phần thép MT tiến hành giao hàng cho công ty cổ phần QN vào các ngày 18/04/2016; 20/04/2016, tương ứng với hóa đơn giá trị gia tăng số 0000469 ngày 20/04/2016.

Quá trình thực hiện đơn hàng, bên bán đã giao hàng đúng số lượng, chất lượng và tiến độ cho bên mua. Sau khi bên mua nhận hàng, đến thời hạn thanh toán bên bán đã nhiều lần đôn đốc công nợ nhưng bên mua vẫn không thực hiện đúng cam kết, vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng.

Vào ngày 31/03/2017, đại diện công ty cổ phần QN và đại diện công ty cổ phần thép MT đã tiến hành lập biên bản đối chiếu công nợ cùng xác nhận tính đến ngày 31/03/2017, công ty cổ phần QN còn nợ công ty cổ phần thép MTsố tiền là: 274.522.966 đồng (*Hai trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng).* Trong đó nợ gốc: 228.512.196 đồng, lãi chậm trả: 46.010.770 đồng.

Như vậy tính tới thời điểm hiện tại, công ty cổ phần QN còn nợ công ty cổ phần thép MT số tiền là 274.522.966 đồng (*Hai trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng).* Trong đó: nợ gốc là 228.512.196 đồng, lãi chậm trả tính tới ngày 31/03/2017 là 46.010.770 đồng;

Đến nay, công ty cổ phần thép MT đã nhiều lần yêu cầu công ty cổ phần QN thanh toán nợ chậm trả nhưng đều không nhận được sự phản hồi cũng như lý do chính đáng về việc chậm thanh toán. Việc chậm thanh toán của công ty cổ phần QN đã gây rất nhiều khó khăn về tình hình kinh doanh và tài chính cho công ty chúng tôi.

Vì vậy, Công ty cổ phần thép MT yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty cổ phần QN phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền: 228.512.196 đồng (*Hai trăm hai mươi tám triệu, năm trăm mười hai nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng*) nợ gốc; và phải trả lãi chậm trả tới ngày 31/03/2017 số tiền là: 46.010.770 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, năm trăm mười hai nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng)*

*Tại phiên hòa giải ngày 12 tháng 01 năm 2018 và tại phiên tòa ông Phạm Hồng T là đại diện theo ủy quyền của công ty cổ phần QN trình bày*:

Công ty cổ phần QN thừa nhận còn nợ công ty cổ phần thép MT số tiền nợ mua vật tư đến ngày 12/01/2018 là 228.512.196 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm mười hai ngàn một trăm chín mươi sáu đồng). Số tiền nợ này công ty cổ phần QN sẽ thanh toán trong thời gian cụ thể như sau:

- Đợt 1: Ngày 12/02/2018, trả số tiền 70.000.000đồng;
- Đợt 2: Ngày 12/3/2018, trả số tiền 70.000.000đồng;
- Đợt 3: Ngày 12/4/2018, trả số tiền 88.512.196đồng.

Đối với số tiền lãi chạm thanh toán 46.010.770 đồng, công ty cổ phần QN đề nghị công ty cổ phần thép MT xem xét lại giảm cho 50%, vì hiện nay công ty cổ phần QN đang gặp khó khăn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết qủa tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Hợp đồng về việc mua bán thép số 04/HĐNT/ LicogiQN-NL ngày 22 tháng 01 năm 2016 giữa nguyên đơn công ty cổ phần thép MT địa chỉ trụ sở: Phường KT, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng với bị đơn công ty cổ phần QN địa chỉ trụ sở: Phường Lê Hồng P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi có thỏa thuận khi có tranh chấp phát sinh một trong hai bên có quyền khởi kiện đến Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn để giải quyết, như vậy thỏa thuận này là đúng pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, Điều 209 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Ngày 22 tháng 01 năm 2016 giữa công ty cổ phần thép MT (bên bán) và công ty cổ phần QN (bên mua) có ký kết Hợp đồng về việc mua bán thép số 04/HĐNT/LicogiQN-NL. Theo hợp đồng, công ty cổ phần QN đồng ý mua và công ty cổ phần thép MT đồng ý bán thép các loại: Thép xây dựng, thép hình, thép ống, thép đặc chủng, chuyên dụng với khối lượng theo đơn đặt hàng của công ty cổ phần QN tại từng thời điểm. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên công ty cổ phần thép MT đã giao hàng đúng số lượng, chất lượng và tiến độ cho bên mua là ty cổ phần QN và bên công ty cổ phần QN cũng đã thanh toán phần lớn tiền thép theo đơn đặt hàng cho công ty cổ phần thép MT. Ngày 31/03/2017, đại diện công ty cổ phần QN và đại diện công ty cổ phần thép MT đã

tiến hành lập biên bản đối chiếu công nợ cùng xác nhận tính đến ngày 31/03/2017, Công ty cổ phần QN còn nợ Công ty cổ phần thép MT số tiền là: 274.522.966 đồng (*Hai trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng)*. Trong đó nợ gốc: 228.512.196 đồng, nợ lãi chậm trả tính đến ngày 31/03/2017 là: 46.010.770 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, công ty cổ phần thép MT nhiều lần yêu cầu công ty cổ phần QN thanh toán nợ chậm trả nhưng không nhận được sự phản hồi cũng như lý do về việc chậm thanh toán. Việc từ ngày 31/03/2017 đến nay Công ty cổ phần QN không thanh toán số tiền gốc và lãi cho ty cổ phần thép MT số tiền là: 274.522.966 đồng (*Hai trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng)* theo biên bản đối chiếu công nợ là vi phạm hợp đồng cũng như thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của công ty cổ phần thép MT buộc công ty cổ phần QN thanh toán số tiền nợ 274.522.966 đồng (*Hai trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng).*Trong đó: nợ gốc là 228.512.196 đồng, nợ lãi chậm thanh toán tính tới ngày 31/03/2017 là 46.010.770 đồng là phù hợp Điều 50, Điều 306 của Luật thương mại 2005; Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Tại phiên tòa, ông Phạm Hồng T là đại diện theo ủy quyền của công ty cổ phần QN thừa nhận hiện nay còn nợ công ty cổ phần thép MT tổng số tiền 274.522.966 đồng. Trong đó nợ tiền vật tư (nợ gốc): 228.512.196 đồng, nợ lãi chậm trả tính đến ngày 31/03/2017 là: 46.010.770 đồng như biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/ 3/2017 mà hai bên công ty đã ký. Tuy nhiên, ông T cho rằng hiện nay công ty cổ phần QN đang gặp khó khăn về tài chính nên yêu cầu công ty cổ phần thép MT giảm 50% số tiền nợ lãi nói trên, đồng thời chia khoản tiền nợ ra để thanh toán thành nhiều đợt, yêu cầu này không được công ty cổ phần thép MT đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[4]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần QN phải chịu là: 274.522.966 đồng x 5% = 13.726.148 đồng.

- Công ty Cổ Phần Thép MT không phải chịu. Hoàn trả cho Công ty cổ phần thép MT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.863.074 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần thép MT đối với bị đơn Công ty cổ phần QN về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Xử:

1. Buộc Công ty cổ phần QN có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần thép MT tổng số tiền nợ là 274.522.966 đồng (*Hai trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng).*Trong đó: nợ gốc là 228.512.196 đồng, nợ lãi chậm thanh toán tính tới ngày 31/03/2017 là 46.010.770 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,75% tháng tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần QN phải chịu là: 13.726.148 đồng.
- Công ty cổ phần thép MT không phải chịu. Hoàn trả cho Công ty cổ phần thép MT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.863.074 đồng theo biên lai thu số 0132 ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

4. Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- *Đương sự;*
- *VKSND quận Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Lê Đức Thọ**